

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/KH-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 15 tháng 01 năm 2011

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước
tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Chỉ thị 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến 2010 và định hướng đến 2020;
- Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Quyết định số 1529/QĐ-UBND tỉnh Điện Biên ngày 25 tháng 8 năm 2009 Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và công nghệ thông tin (CNTT) tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020;
- Công văn số 491/BTTTT-UDCNTT ngày 25/2/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011-2015

Căn cứ hiện trạng ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH ĐIỆN BIÊN.

1. Hiện trạng xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, chính sách

Trong những năm qua, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển tạo điều kiện môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh: Thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng và phát triển CNTT tỉnh Điện Biên; Phê duyệt Quy hoạch phát triển ứng dụng và phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT đến năm 2020; Kế hoạch triển khai

thực hiện Đề án 47, 06 (Đề án Tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng), Đề án 112 (Đề án Tin học hoá hệ thống quản lý hành chính nhà nước); Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2009-2010; Chỉ thị số 07/2008/CT-UBND ngày 29/9/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên về việc Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên

2. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng phục vụ ứng dụng CNTT được cải thiện đáng kể trong thời gian qua. Đã có 9/9 huyện, thị xã, thành phố đã được kết nối cáp quang. Dự án mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước đã kết thúc giai đoạn II, kết nối thông suốt đến các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. 100% các cơ quan nhà nước được kết nối Internet tốc độ cao.

Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có: 38 máy chủ, trên 1.200 máy trạm, trong đó 76% máy tính được kết nối mạng LAN, hơn 73% máy tính được kết nối Internet. Tỷ lệ cán bộ, công chức có máy tính sử dụng trong công việc là 66% (cấp tỉnh: 75%, cấp huyện 59%); 10% cơ quan có hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật thông tin.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước

Để phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; hệ thống mạng thông suốt từ HĐND, UBND đến các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã được xây dựng với 100% các cơ quan đã kết nối Internet. Tuy nhiên, mức độ ứng dụng chỉ mới dừng lại ở trong nội bộ cơ quan, việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị qua mạng còn hạn chế.

Hiện nay, nhiều cơ quan đã được trang bị các phần mềm có chức năng quản lý văn bản và điều hành qua mạng. Đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đạt tỷ lệ 90%; cấp huyện là 33% (trung bình là 72%). Tuy nhiên hiệu quả thực sự mang lại chưa cao, mới chỉ trong nội bộ cơ quan và sử dụng các hệ thống này như một hệ thống lưu trữ văn bản đơn lẻ, chưa liên thông, chưa hình thành môi trường trao đổi và tác nghiệp trên mạng. Việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản chưa thống nhất và đồng bộ trên toàn tỉnh, gây khó khăn trong việc trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

Đa số các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã triển khai sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc, tỉ lệ cán bộ, công chức đã được cấp hộp thư điện tử của tỉnh (xxx(@dienbien.gov.vn) là cơ bản (trên 70%), tuy nhiên hiệu quả sử dụng thư điện tử trong công việc còn thấp, tỷ lệ cán bộ, công chức đã được cấp hộp thư điện tử thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc còn rất thấp, đối với các cơ quan cấp tỉnh là 22%; cơ quan cấp huyện là: 13% (trung bình 17%).

Ngoài những ứng dụng trên, các cơ quan cũng đã triển khai một số ứng dụng CNTT tiêu biểu: Thực hiện các cuộc họp giao ban từ xa giữa UBND tỉnh

với Chính phủ; một số Sở, Ngành với cơ quan cấp Bộ (như Sở Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục, Nông nghiệp PTNT ...). Hầu hết các cơ quan đã trang bị và sử dụng khá hiệu quả các phần mềm Văn phòng, phần mềm quản lý tài chính - kế toán...

Một số cơ quan, đơn vị đã ứng dụng tốt những phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác chuyên môn như phần mềm Quản lý ngân sách, quản lý đầu tư, quản lý tài sản của Sở Tài chính; Quản lý điều hành eOffice, quản lý chuyên ngành của Sở Thông tin và Truyền thông; quản lý cán bộ - giáo viên, quản lý trường học, quản lý thi, phần mềm chấm thi trắc nghiệm của Sở Giáo dục và đào tạo; phần mềm thi luật giao thông, hỗ trợ thiết kế cầu đường của Sở Giao thông Vận tải ...

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đến nay, Điện Biên đã xây dựng Cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin hoạt động, dịch vụ hành chính công mức độ 2 phục vụ người dân và doanh nghiệp với tên miền dienbien.gov.vn (đến nay đã cung cấp 200 thủ tục hành chính mức độ 2). Tỷ lệ cơ quan nhà nước có cổng thông tin điện tử/trang thông tin điện tử để phục vụ điều hành, quản lý, cung cấp thông tin, phục vụ người dân và doanh nghiệp là 41% (cấp tỉnh: 55%, cấp huyện: 11%).

Tuy vậy, thông tin đưa lên các trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử còn hạn chế, chất lượng chưa cao, chưa được cập nhật thường xuyên, các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp chủ yếu ở các mức độ thấp (mức độ 1,2) và chưa đầy đủ; số lượng người truy cập xem thông tin và sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn rất thấp.

5. Hiện trạng nguồn nhân lực CNTT

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao. Hầu hết mới chỉ đào tạo, bồi dưỡng về máy tính để phục vụ công tác chuyên môn, số lượng được đào tạo có trình độ Đại học và thạc sỹ về công nghệ thông tin còn rất ít.

Tỷ lệ CBCC được đào tạo, bồi dưỡng về CNTT là 60% (cấp tỉnh: 87%, cấp huyện 36%). Cán bộ chuyên trách về CNTT còn thiếu, đặc biệt là tại các sở ngành và cấp huyện nhiều cán bộ chuyên trách đang làm việc theo hình thức kiêm nhiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai công tác ứng dụng CNTT tại cơ quan (40% cơ quan nhà nước chưa có cán bộ chuyên trách).

III. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH.

1. Mục tiêu tổng quát:

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh.

b) Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động.

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan nhà nước minh

bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

a) Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử.

- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả: 100% các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, phường trở lên được kết nối vào mạng truyền dẫn tốc độ cao, an toàn, bảo mật (mạng dùng riêng của các cơ quan Đảng và Nhà nước); được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực quốc gia.

- Phối hợp xây dựng, phát triển và hoàn thiện các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu lớn: cơ sở dữ liệu quốc gia về con người, tài nguyên và môi trường, tài chính, kinh tế, công nghiệp và thương mại, bảo đảm tính cấu trúc, hệ thống, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm hạ tầng kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình thống nhất hợp chuẩn với hệ thống thông tin quốc gia.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- 100% các cơ quan nhà nước các cấp sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng.

- 50% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 60% cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

- 70% các cơ quan nhà nước từ cấp huyện trở lên xây dựng hệ thống một cửa điện tử và thực hiện kết nối liên thông.

- Tỷ lệ trung bình máy tính trên cán bộ, công chức tại các cơ quan nhà nước là 90%; đa số được kết nối mạng LAN, Internet.

- Bảo đảm các điều kiện về kỹ thuật cho 100% các cuộc họp của UBND tỉnh với Chính phủ, với UBND các huyện, thị xã, thành phố được thực hiện trên môi trường mạng. Một số cuộc họp giữa UBND tỉnh hoặc UBND huyện, thị xã, thành phố với UBND cấp xã, phường, thị trấn thực hiện được trên môi trường mạng.

- 100% hồ sơ quản lý cán bộ công chức các cấp có thể được quản lý chung trên mạng với quy mô toàn tỉnh phù hợp với quy mô quốc gia.

- Triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc tới 100% các huyện, thị xã, thành phố.

- Bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong cơ quan nhà nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các cơ quan nhà nước cấp sở, ban, ngành hoặc tương đương; 50% các tổ chức chính trị - xã hội có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện

tử với đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin, cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 cho người dân và doanh nghiệp (đối với các cơ quan có cung cấp dịch vụ); bảo đảm 80% các thông tin chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo được đưa lên cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc các trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước.

- 50% hồ sơ khai thuế của người dân và doanh nghiệp được thực hiện qua mạng; triển khai thủ tục hải quan điện tử.

- Thực hiện đấu thầu qua mạng.

- 100% hộ chiếu được cấp cho công dân Việt Nam phục vụ công tác xuất, nhập cảnh là hộ chiếu điện tử.

- 20% công dân đủ độ tuổi theo quy định được cấp chứng minh nhân dân điện tử.

- 30% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

- Đẩy mạnh triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc 4 cho người dân và doanh nghiệp.

3. Định hướng đến năm 2020.

- Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập được môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

- Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng sẵn có của các doanh nghiệp viễn thông, kết nối tới cấp xã, phường trên phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Xây dựng mới, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan nhà nước, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin...

- Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử; trung tâm chăm sóc khách hàng; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận một cửa và các hình thức khác.

- Triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước (PKI).

2. Phát triển các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý điều hành trên môi trường mạng (tích hợp trong toàn tỉnh) tới cơ quan nhà nước các cấp bảo đảm an toàn, an ninh, tính pháp lý của văn bản trao đổi phù hợp với hệ thống quốc gia.

- Nâng cấp hệ thống thư điện tử của tỉnh.

- Phát triển hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện đảm bảo các cuộc họp trực tuyến giữa Tỉnh ủy, UBND tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố và có thể đến các xã, phường trong tỉnh.

- Phát triển Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Xây dựng và phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến cho cán bộ CCC trong tỉnh.

- Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thống nhất các cấp.

- Xây dựng, hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu cấp tỉnh như: Thủ tục hành chính, đất đai, tài nguyên; dân cư, hộ tịch, hộ khẩu; cơ sở giáo dục, y tế; CBCC, viên chức...

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan nhà nước các cấp; đảm bảo 100% các cơ quan nhà nước các cấp sử dụng phần mềm ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng.

- Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu hoạt động tại mỗi cơ quan.

- Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể của các cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác trong công tác nội bộ theo hướng hiệu quả hơn, mở rộng kết nối.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. Cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu và được thông báo tình trạng xử lý các thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước qua mạng.

- Cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp. Cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Danh mục nhóm các dịch vụ công trực tuyến được ưu tiên cung cấp tối thiểu ở mức độ 3 tại được nêu trong Phụ lục I. Danh mục nhóm các dịch vụ này có thể được cập nhật, thay đổi hàng năm phù hợp thực tế triển khai trên cơ sở đề nghị của các cơ quan chủ trì thực hiện.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông theo hướng: Bảo đảm khả năng kết nối giữa các hệ

thống thông tin tại bộ phận một cửa với cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục; bảo đảm tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính.

- Xây dựng các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là các hệ thống thông tin về dân cư, tài nguyên và môi trường.

- Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động của cơ quan nhà nước bằng cách nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng hoặc trang thông tin điện tử; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận một cửa; điểm công cộng (kiosk) và các thiết bị tiên tiến khác.

5. Phát triển nguồn nhân lực CNTT.

- Tăng cường công tác nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức đảm bảo cán bộ công chức viên chức trong tỉnh có đủ kỹ năng ứng dụng CNTT sử dụng máy tính, khai thác hiệu quả internet trong công việc.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho 100% cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp (ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên trách trình độ cao: Thạc sỹ, Đại học).

- Phát triển mô hình đào tạo từ xa (đào tạo trực tuyến) thông qua môi trường internet mở ra cơ hội học tập, nghiên cứu của mọi đối tượng trong xã hội. Bên cạnh đó giúp cho hệ thống giáo dục các cấp có điều kiện thuận lợi để cập nhập, trao đổi thông tin và giảm thiểu về sự chênh lệch giữa các vùng trong tỉnh.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

6. Hoàn thiện môi trường pháp lý thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn tỉnh. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị trong trao đổi các văn bản hành chính giữa các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng chính sách ưu đãi, đặc thù đối với cán bộ chuyên trách CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước.

- Tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm kinh phí đầu tư và chi thường xuyên cho ứng dụng CNTT.

- Ưu tiên biên chế cán bộ CNTT cho các cơ quan nhà nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Ngân sách trung ương: Hỗ trợ để đảm bảo kinh phí triển khai các nội dung xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin nhằm đảm bảo sự kết nối, liên thông giữa các cơ quan nhà nước khi triển khai các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu.

- Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động thuộc phạm vi của địa phương. Trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các địa phương phải bảo đảm kinh phí cho ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Các nguồn kinh phí khác: Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách trung ương để triển khai các nội dung của Chương trình này.

2. Dự kiến kinh phí triển khai

Tổng kinh phí dự kiến: 130 tỷ 500 triệu đồng (*Dự kiến như phụ lục III*).

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức, điều hành

Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo Ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh để chỉ đạo triển khai công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015. Nâng cao vai trò trách nhiệm của lãnh đạo công nghệ thông tin ở các cấp, các ngành.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về công nghệ thông tin các cấp, đảm bảo yêu cầu về số lượng và trình độ.

Người đứng đầu các cơ quan phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào cơ quan mình.

Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Kế hoạch cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính, quá trình cải cách hành chính đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cho ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường công tác cải tiến quy trình làm việc, chuẩn hóa nghiệp vụ để có thể ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Tài chính

Tăng cường nguồn lực đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, đặc biệt tạo cơ chế phối hợp với các doanh nghiệp triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Tập trung đầu tư cho một số dự án trọng điểm có tính đột phá đặt nền móng xây dựng Tỉnh điện tử, hướng tới Chính phủ điện tử.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng và phát triển các doanh nghiệp công nghệ công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3. Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ

Có hướng dẫn chung trên quy mô toàn tỉnh phù hợp với quy mô quốc gia về việc xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức - chính trị xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình ở các ngành, các cấp, hướng dẫn triển khai nhân rộng.

4. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ công chức, viên chức các cấp.

Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho giám đốc công nghệ thông tin.

Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cơ quan nhà nước.

Đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức.

5. Giám sát, đánh giá

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời. Xem xét đưa tiêu chí hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng.

Xây dựng các phương pháp đánh giá khoa học về ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp điều kiện thực tế tại các cơ quan nhà nước và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin của Quốc gia.

6. Bảo đảm môi trường pháp lý

Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn tỉnh. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị để trao đổi các văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước.

Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

Xây dựng các quy định nhằm giảm văn bản giấy, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, nhằm duy trì và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu nội dung để Ban Chỉ đạo ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Hướng dẫn các đơn vị xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng CNTT;

Thẩm tra, thẩm định các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm chỉ cho ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh phê duyệt chung trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan;

Hướng dẫn các cơ quan đơn vị xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo thường xuyên tình hình thực hiện Kế hoạch;

Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; xây dựng Báo cáo định kỳ 6 tháng gửi UBND tỉnh, đề xuất các điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình ứng dụng CNTT trong tỉnh;

Tổ chức hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ để triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước 5 năm và hàng năm;

Đề xuất các chính sách nhằm giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Tham mưu xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước;

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho các cán bộ công chức viên chức, cán bộ chuyên trách về CNTT ;

Chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Nghiên cứu, xác định mô hình ứng dụng CNTT điển hình ở các ngành, các cấp và triển khai nhân rộng trên toàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm chỉ cho ứng dụng CNTT của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí chi cho các kế hoạch ứng dụng CNTT 5 năm và hàng năm.

3. Sở Kế hoạch - Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm chi cho ứng dụng CNTT của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển và ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT, cũng như cán bộ có trình độ cao trong lĩnh vực CNTT.

Xây dựng tiêu chuẩn, chức danh Giám đốc công nghệ thông tin trình UBND tỉnh phê duyệt và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thống nhất.

Phối hợp với Thông tin và Truyền thông trong quá trình triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến và trong việc xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện tử của tỉnh;

5. Các sở, ban, ngành khác; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh. Căn cứ vào Kế hoạch này hàng năm xây dựng Kế hoạch kinh phí cho đơn vị mình gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ, nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- L/đ UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, L/đ VP, TH, TM, TTTH
VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Giàng Thị Hoa

Giàng Thị Hoa

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN MỨC 3 ƯU TIÊN TRIỂN KHAI
TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 59/KH-UBND
ngày 13 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh Điện Biên)



STT	Tên nhóm dịch vụ
1	Đăng ký kinh doanh
2	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện
3	Cấp giấy phép xây dựng
4	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
5	Cấp giấy phép đầu tư
6	Cấp giấy đăng ký hành nghề y, dược
7	Lao động, việc làm
8	Cấp, đổi giấy phép lái xe
9	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
10	Đăng ký tạm trú, tạm vắng
11	Dịch vụ đặc thù

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ƯU TIÊN XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 59 /KH-UBND
ngày 13 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính trên Internet	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Chính phủ
2	Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Bộ Nội vụ
3	Cơ sở dữ liệu về kinh tế công nghiệp và thương mại	Sở Công Thương	Bộ Công Thương
4	Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	Cơ sở dữ liệu về Biên giới lãnh thổ	Sở Ngoại vụ	Bộ Ngoại giao
6	Cơ sở dữ liệu về các dự án đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7	Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Cơ sở dữ liệu về dân cư	Công an tỉnh	Bộ Công an
9	Cơ sở dữ liệu về tài chính	Sở Tài chính	Bộ Tài chính
10	Cơ sở dữ liệu về Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 59 /KH-UBND
ngày 13 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	Tên dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu kinh phí
I	Vốn đầu tư			87.500
1	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng thiết bị máy tính, mạng LAN cho các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị	15.000
2	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử cho các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị	25.000
3	Xây dựng Hệ thống giao ban điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị	15.000
4	Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở TTTT	11.600
5	Ứng dụng công nghệ 3D mô phỏng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Văn hóa, TT&DL	15.000
6	Xây dựng Cơ sở dữ liệu các ngành	Phụ lục II	Phụ lục II	3.500
7	Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến cho cán bộ CCVC của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ, GD&ĐT	2.400
II	Vốn sự nghiệp			43.000
1	Nâng cấp Công thông tin điện tử của tỉnh	Sở TTTT, VP UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị	7.500
2	Xây dựng hệ thống an ninh, an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị	4.500

3	Triển khai diện rộng phần mềm quản lý và điều hành qua mạng: Văn phòng điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị	9.000
4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở TTTT, VP UBND tỉnh		13.000
5	Ứng dụng CNTT trong công tác chuyên môn	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TX, TP	Sở Thông tin và Truyền thông	5.000
6	Đào tạo CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức viên chức các cơ quan nhà nước các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị	2.500
7	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan báo chí	1.500
	Tổng			130.500